



Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế

Trang chủ: <http://tapchi.ftu.edu.vn>

THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN TẠI CHÂU Á VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Ngô Thị Huyền Như¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Trần Thị Ngọc Quyên

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Lê Thanh Thùy Dương

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Khánh Huyền

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Phạm Kiều Thanh Thanh

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 09/09/2020; Ngày hoàn thành biên tập: 08/12/2020; Ngày duyệt đăng: 17/12/2020

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế số, các quốc gia đang phát triển luôn chủ động và linh hoạt thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment-FDI), trong đó các nước tập trung cải thiện khung chính sách theo hướng bền vững. Bài viết này thực hiện nghiên cứu tại bàn nhằm phân tích tổng thể thay đổi chính sách FDI của 7 quốc gia đang phát triển tại Châu Á là Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Indônêxia và Việt Nam giai đoạn 2015-2020. Các tác giả đã chỉ rõ đặc trưng chính sách FDI của nhóm nước này và gợi ý cho Việt Nam theo các nhóm giải pháp liên quan tới chọn lọc ngành công nghệ cao và tập trung chất lượng của các dự án FDI theo hướng bền vững, chủ động xác định các ngành, lĩnh vực trọng tâm trong bối cảnh phát triển kinh tế số, phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại đặc thù và tối ưu hóa hoạt động logistics, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong một số ngành công nghệ chuyên sâu và tiếp tục triển khai và phát triển các dự án FDI theo cụm, khu công nghiệp công nghệ cao.

Từ khóa: Các quốc gia đang phát triển Châu Á, Thay đổi chính sách FDI, Tự do hóa đầu tư, Thu hút FDI.

¹ Tác giả liên hệ, Email: nhungo.ftu@gmail.com

CHANGES IN FOREIGN DIRECT INVESTMENT POLICIES OF SOME ASIA'S DEVELOPING COUNTRIES AND SUGGESTIONS FOR VIETNAM

Abstract: In the context of deeper integration into the digital economy, developing countries are making every effort to attract Foreign Direct Investment (FDI), of which improving the policy framework towards sustainable development is important. In this paper, the desk study is carried out to expose the changes in FDI policies of seven developing economies including China, India, Thailand, Philippines, Malaysia, Indonesia, and Vietnam during the period from 2015 to 2020. The authors investigate the characteristics of the FDI policy systems in these countries and propose suggestions for Vietnam related to the selection of FDI focusing on the high-tech industry with concentration on the quality of FDI projects towards sustainability. Vietnam should also proactively determine priority sectors in the context of the digital economy, develop specific modern infrastructure and optimize logistics activities, enhance the quality of human resources in some intensive technological industries and continue to deploy and promote FDI projects in clusters, high-tech intensive industrial zones.

Keywords: Asia's developing countries, Changes in FDI policies, Investment liberalization, Attracting FDI

1. Đặt vấn đề

Gần đây, tại nhiều quốc gia Châu Á, quá trình thu hút FDI đã có những bước phát triển mới. Bên cạnh những yếu tố kinh tế cơ bản của quốc gia tiếp nhận đầu tư, khung chính sách liên quan đến FDI bao gồm những hiệp định đầu tư và chính sách FDI đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình ra quyết định lựa chọn khu vực đầu tư của các doanh nghiệp (Banga, 2003). Với nhiều nền kinh tế phát triển năng động, Châu Á đã và đang trở thành địa điểm chiến lược và đầu tư hấp dẫn đối với nhiều nhà đầu tư, khi nhiều năm liền trở thành khu vực có quy mô thu hút FDI nhiều nhất trên thế giới, với 33% vào năm 2017 và tăng lên 39% vào năm 2018 (UNCTAD, 2018; UNCTAD, 2019). Trong hai thập kỷ trở lại đây, có sự dịch chuyển trong dòng vốn FDI trên toàn cầu từ các quốc gia phát triển đến các quốc gia đang phát triển tại khu vực này. Thực tế, sự cạnh tranh trong quá trình thu hút FDI ở các nước Châu Á rất khốc liệt và chính phủ các quốc gia này đã có những động thái mạnh mẽ và chiến lược thu hút FDI đa dạng, trong đó có đến 2/3 các chính sách được ban hành là nhóm chính sách liên quan đến tự do hóa, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư (UNCTAD, 2018). Điều này thể hiện sự thay đổi rõ nét về chính sách liên quan FDI của rất nhiều nước tại khu vực này, trong đó điển hình là nhóm các nước đang phát triển.

Hiện tại, trong bối cảnh mới, khi có nhiều tập đoàn lớn đã và đang có chiến lược và triển khai các kế hoạch dịch chuyển các cơ sở sản xuất trên toàn cầu, thì chính phủ các quốc gia cũng cần nỗ lực hoàn thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là các chính sách liên quan đến FDI. Do đó, Châu Á vẫn là khu vực thu hút nhiều

dòng FDI thế giới và cần có những phân tích về thay đổi chính sách FDI của nhóm quốc gia đang phát triển, trên cơ sở đó gợi ý cho Việt Nam từ quá trình học hỏi sự đa dạng chính sách của nhóm các nước đang phát triển khác tại khu vực.

Ngoài phần đầu đặt vấn đề và kết luận, trong bài viết này, phần 2 sẽ là nội dung về tổng quan một số nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến chính sách FDI và sự thay đổi chính sách liên quan đến FDI. Tiếp đến, phần 3 sẽ là nội dung phân tích đặc điểm và thực tiễn xu hướng thay đổi chính sách FDI tại một số quốc gia đang phát triển Châu Á. Phần cuối của nghiên cứu, các tác giả sẽ tập trung một số gợi ý chính sách cho Việt Nam liên quan đến thu hút FDI trong bối cảnh phát triển mới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khung chính sách liên quan đến FDI là nội dung của nhiều hướng nghiên cứu trên thế giới. Trước hết, các học giả đã đề cập đến những phân tích về mối quan hệ giữa chính sách của chính phủ và thu hút FDI tại một hoặc một số nước trên thế giới, trong đó nhấn mạnh đến chính sách liên quan tại nước tiếp nhận hoặc quá trình tự do hoá chính sách của các quốc gia này. Theo lý thuyết Chiết trung của John Dunning các công ty sẽ thực hiện FDI khi hội tụ đủ 3 lợi thế về quyền sở hữu, lợi thế về địa điểm và nội bộ hóa, theo đó chính sách của chính phủ nước tiếp nhận cũng là một nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của các doanh nghiệp (DN) tiến hành FDI (Dunning, 1979). Tiếp đến, Globerman và Shapiro cũng nhận định ảnh hưởng của thay đổi chính sách đối với dòng vốn vào và ra tại một quốc gia (Globerman & Shapiro, 1999). Phân tích dữ liệu của 10 nước ASEAN từ 1997-2014 cho thấy các yếu tố quyết định liên quan đến dòng vốn FDI là sự thay đổi chính sách, mà đặc biệt là độ mở thương mại cao ảnh hưởng tích cực đến thu hút FDI (Hoang & cộng sự, 2018). Tiếp đến, Thompson và Poon tập trung phân tích mối liên hệ giữa FDI và sự thay đổi quy định tại các thành viên ASEAN, trong đó khẳng định có sự tác động giữa quá trình đổi mới của một quốc gia đối với dòng vốn FDI (Thompson & Poon, 2000). Chính tự do hoá cũng ảnh hưởng đến dòng vốn FDI, theo đó sự thay đổi chính sách tại các nước tiếp nhận đóng vai trò quan trọng đối với thu hút FDI vào một quốc gia hơn là tăng trưởng GDP của nền kinh tế (Sin & Leung, 2001).

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu đã phân tích sự thay đổi chính sách theo hướng tự do hoá đầu tư mà các quốc gia trên thế giới đã triển khai. FDI có tác động tích cực đến hiệu quả và tăng trưởng kinh tế khi chính phủ các quốc gia đó tạo điều kiện thuận lợi thông qua thay đổi các chính sách theo hướng giảm hoặc loại bỏ những rào cản đối với quá trình hội nhập thương mại toàn cầu và triển khai FDI (Nicoletti & Scarpetta, 2003). Sự phát triển của cơ sở hạ tầng, logistics và nguồn nhân lực cũng có thể ảnh hưởng đến năng lực tham gia của các quốc gia vào quá trình toàn cầu hóa hoạt động kinh tế. Trong số đó, 4 chính sách

cụ thể được các chính phủ ủng hộ rộng rãi chính là: (1) Loại bỏ các hạn chế liên quan trực tiếp đối với FDI; (2) Thúc đẩy cạnh tranh trong nước; (3) Nâng cao khả năng thích ứng của thị trường lao động và (4) Đảm bảo đủ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng. Thực tế có 2 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến thu hút FDI vào một quốc gia, đó là các yếu tố phi chính sách (bao gồm tác động của lực hấp dẫn như quy mô thị trường và tỷ lệ nhân tố) và các yếu tố về chính sách.

Cụ thể, Parashar (2015) đã nghiên cứu các yếu tố quyết định đến thu hút FDI ở hai quốc gia Châu Á là Trung Quốc và Ấn Độ từ năm 1980 đến năm 2013 khi áp dụng mô hình kinh tế lượng, trong đó phân tích hồi quy tuyến tính dữ liệu chuỗi thời gian đã được thực hiện trong 34 năm. Phân tích này cho thấy, tại Trung Quốc, mức lương thấp hơn đóng một vai trò quan trọng, trong khi đó yếu tố thu hút FDI vào Ấn Độ chính là những cải cách liên quan đến chính sách và đây là điểm nhấn đối với sự quan tâm của các DN FDI tại quốc gia Châu Á này. Nhiều quốc gia đã sử dụng ưu đãi thuế để thúc đẩy đầu tư, cũng như thu hút các dòng vốn nước ngoài. Thành công trong quá trình phát triển của các nền kinh tế như Hàn Quốc, Singapore hay Đài Loan đã thúc đẩy quá trình áp dụng phổ biến các ưu đãi thuế tại nhiều quốc gia Châu Á khác. Trong một số giai đoạn phát triển kinh tế, ưu đãi thuế đã trở thành một điểm nổi bật trong xúc tiến đầu tư của các nước công nghiệp (CN) mới (James, 2009).

Zhan & Karl (2016) nhận định rằng các chính phủ thường sử dụng trợ cấp trực tiếp hoặc tín dụng thuế để khuyến khích đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu phát triển khác. Nếu quá trình xây dựng và thực hiện chính sách đúng đắn, những khuyến khích này có thể thúc đẩy các mục tiêu chính sách, cụ thể như tạo thêm nhiều việc làm, giảm bất bình đẳng và phát triển bền vững tại nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, do quá trình triển khai rất phức tạp, các ưu đãi đã được kết hợp với tìm kiếm vốn vay và chi tiêu công lãng phí. Các tác giả cũng cho rằng chính phủ cần phân tích cẩn trọng giữa lợi ích và chi phí trong quá trình hoạch định các chính sách đầu tư và các kế hoạch đầu tư nên được thiết kế lại theo mục tiêu phát triển bền vững và phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể. Ngoài ra, tác giả gợi ý các nước cần thúc đẩy phát triển bền vững thông qua phát triển các chương trình khuyến khích tập trung vào lĩnh vực đầu tư quan trọng như điện, cung cấp nước, y tế và giáo dục cho người nghèo và tập trung khu vực đầu tư hấp dẫn hơn, đầu tư phát triển trong lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ... Nghiên cứu trên nhấn mạnh mặt tích cực và xu hướng chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư phát triển bền vững và toàn diện của các quốc gia.

Cùng với đó, các công trình cũng tập trung phân tích thực tiễn triển khai chính sách tự do hoá đầu tư tại Châu Á. Phân tích thống kê tại 52 nước đang phát triển cho thấy các quốc gia dân chủ hơn thường có xu hướng đưa ra mức ưu đãi

thuế cho đầu tư lớn hơn (Li, 2006). Nghiên cứu của nhóm tác giả tại trường đại học Lund - Thụy Điển đã so sánh về sự phát triển chính sách FDI của 7 quốc gia Nam Á và Đông Nam Á trong quá trình nỗ lực thu hút FDI (Muhammad, 2017). Tất cả các quốc gia trong nghiên cứu này đã đẩy nhanh quá trình tự do hóa bằng cách dần mở rộng đủ điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cho FDI, đơn giản hóa quá trình nhập khẩu, giảm thuế nhập khẩu, thuế doanh nghiệp và đưa ra các gói ưu đãi thuế cho các nhà đầu tư. Gần đây, các quốc gia đã nhấn mạnh nhiều hơn quá trình thực hiện các cam kết liên quan đến thuận lợi hoá theo các hiệp định đầu tư song phương, khu vực và đa phương (IIAs). Có thể thấy rằng các nước nhỏ hơn như Bangladesh và Việt Nam đã mở cửa các lĩnh vực trong thời gian nhanh hơn các quốc gia khác (UNCTAD, 2009). Tiếp đến, trong Báo cáo đầu tư thế giới (UNCTAD, 2018), UNCTAD đã cập nhật những thay đổi chính sách về đầu tư mới nhất của các quốc gia, trong đó nhận định thuận lợi hóa đầu tư vẫn là xu hướng chủ đạo trên thế giới. Trong đó, các nước ở Châu Á tích cực trong quá trình triển khai các chính sách mở cửa đầu tư, cụ thể là tại các nền kinh tế mới nổi. Tiếp đến, Báo cáo đầu tư thế giới (UNCTAD, 2019) cho thấy sự gia tăng của các biện pháp hạn chế và sàng lọc các dự án đầu tư nước ngoài, nhưng vẫn khẳng định thu hút FDI thông qua chính sách mở là hướng ưu tiên. Các thay đổi chính là loại bỏ hạn chế nhập cảnh đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp ưu đãi tài chính cho đầu tư vào các ngành hoặc khu vực. Ngoài ra, các hiệp định đầu tư quốc tế được ký kết cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với thu hút FDI. Trong Báo cáo năm 2019, UNCTAD đã tập trung phân tích về các đặc khu kinh tế với khoảng 60% SEZs đóng vai trò thúc đẩy đầu tư, nhưng thực tế chỉ có khoảng 10% thực hiện thành công, từ đó cho thấy thách thức lớn đối với các quốc gia trong quá trình hoạch định và vận hành chính sách của các đặc khu, cũng như áp lực lớn về chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thiện môi trường (UNCTAD, 2019).

Những thay đổi trong hệ thống luật và quy định của các quốc gia thể hiện xu hướng tự do hoá mạnh mẽ các chính sách về FDI tại nhiều quốc gia trên thế giới. Sự hình thành, điều chỉnh và phát triển các chính sách liên quan đến FDI chính là quá trình thay đổi chính sách FDI nhằm xây dựng cơ chế đầu tư thông thoáng hơn đi liền với mức độ tự do hóa cao hơn của cơ chế vận hành chính sách FDI và tạo lập mức độ bảo hộ tích cực hơn cho nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, những thay đổi này chú trọng đến việc dỡ bỏ các rào cản thâm nhập, đưa ra những tiêu chuẩn đối xử quốc gia, đảm bảo an toàn cho nhà đầu tư, đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích đầu tư trọng điểm, tổng hợp và cung cấp nhiều dịch vụ cũng như công cụ khuyến khích đầu tư cho các nhà đầu tư (UNCTAD, 2009). Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới đều mang tính tổng quát, phân tích chi tiết các yếu tố liên quan đến thu hút FDI vào một quốc gia, trong đó có luật pháp, hiệp định đầu tư quốc tế, chính sách liên quan đến FDI như chính sách thương mại, thuế, phát triển

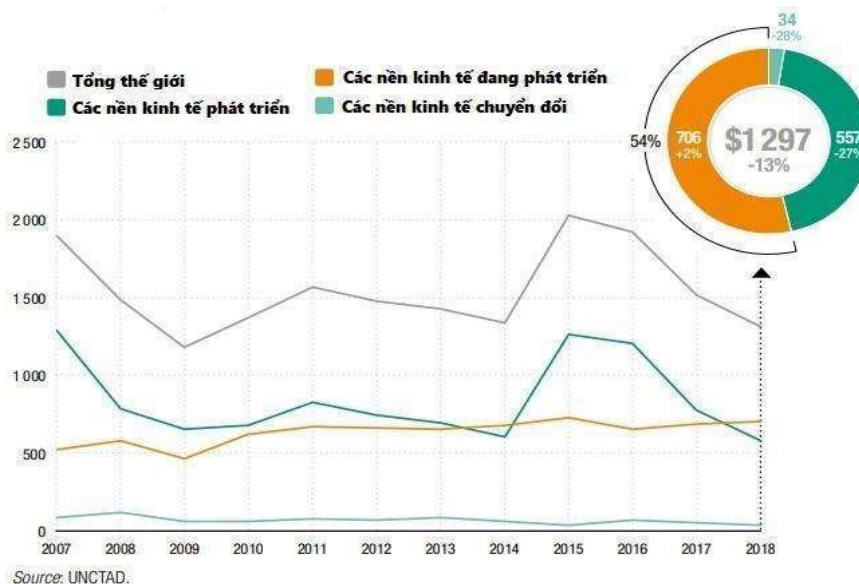
công nghệ cao và yếu tố kinh tế như cơ sở hạ tầng. Các quốc gia từ các nền kinh tế phát triển đến các nước đang phát triển cũng điều chỉnh chính sách trong một số lĩnh vực có quan hệ chặt chẽ với FDI, cụ thể như lĩnh vực dịch vụ. Các công trình đã nhấn mạnh vai trò và phát triển các chính sách liên quan sẽ thu hút dòng vốn FDI; phân tích thực tiễn sự thay đổi chính sách liên quan đến đầu tư tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có các nước đang phát triển tại Châu Á. Tuy nhiên, đến nay chưa có nghiên cứu rõ nét về đặc trưng và xu hướng thay đổi chính sách FDI của nhóm các nền kinh tế đang phát triển tại khu vực này. Do đó, đây là cách tiếp cận sâu trong nghiên cứu của các tác giả, trong đó tập trung phân tích thay đổi chính sách đầu tư nổi bật và hệ thống đặc trưng môi trường đầu tư của các quốc gia này trong giai đoạn 2015-2020, từ đó làm nổi bật xu hướng tự do hóa chính sách đầu tư trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam.

3. Phân tích thực tiễn thay đổi trong chính sách FDI tại các quốc gia đang phát triển Châu Á

3.1 Tổng quan FDI vào các nước Châu Á

Theo Báo cáo đầu tư thế giới (UNCTAD, 2019), dòng vốn FDI toàn cầu đã tiếp tục giảm mạnh trong năm 2018 - năm thứ 3 liên tiếp, giảm 13% xuống còn 1,3 nghìn tỷ USD, trong đó, dòng vốn FDI vào các nền kinh tế phát triển giảm xuống 27% - thấp nhất kể từ năm 2004, còn dòng vốn vào Châu Âu giảm một nửa xuống dưới 200 tỷ USD và ở Hoa Kỳ cũng giảm 9% còn 252 tỷ USD.

Đơn vị: Tỷ USD và %

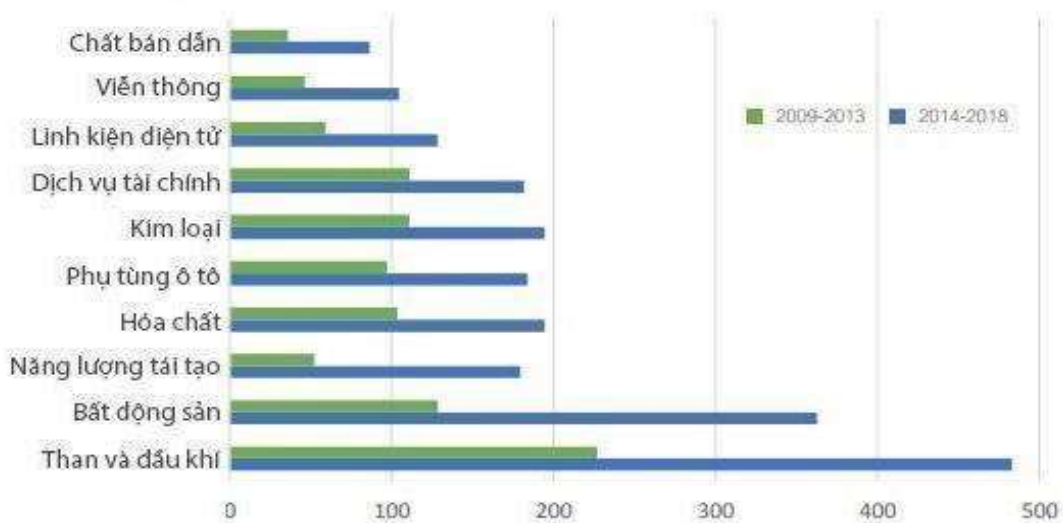


Biểu đồ 1. Tổng vốn FDI trên toàn cầu và phân bổ theo các nền kinh tế trên thế giới giai đoạn 2007-2018

Nguồn: UNCTAD, 2019

Tuy nhiên, dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển vẫn ổn định với tốc độ tăng 2%. Do sự biến động bất thường ở các nền kinh tế đang phát triển, tỷ trọng thu hút đầu tư của các nước này trong tổng vốn FDI toàn cầu đã tăng lên 54% và đây là một kỷ lục. Cụ thể, FDI tại Châu Phi tăng 11% lên 46 tỷ USD, còn Mỹ Latinh và Caribe giảm 6% vì không duy trì được đà tăng trưởng sau năm 2017. Trong khi đó, dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển Châu Á tăng 4% lên 512 tỷ USD vào năm 2018, với tăng trưởng tích cực diễn ra trong tất cả các tiểu vùng. Trung Quốc, nước nhận FDI lớn nhất thuộc nhóm các quốc gia đang phát triển, thu hút 139 tỷ USD, tăng 4%. Dòng vốn FDI vào Đông Nam Á cũng tăng trưởng năm thứ ba liên tiếp - tăng 3% lên mức 149 tỷ USD (UNCTAD, 2019).

Nhìn chung, kể từ năm 2008, xu hướng FDI trên toàn thế giới tăng trưởng tương đối chậm. Đặc biệt, hiện nay, trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến phức tạp, dòng vốn FDI toàn cầu đã bị ảnh hưởng nặng nề. Trong Báo cáo của UNCTAD đầu năm 2020, nếu thế giới có thể kiểm soát được dịch bệnh trong nửa đầu năm 2020, thì dòng FDI sẽ chỉ giảm 5% (UNCTAD, 2020c). Một trong những kịch bản xấu hơn trong Báo cáo của UNCTAD đầu năm 2020 là sự lây lan của dịch bệnh sẽ tiếp tục kéo dài suốt cả năm, thì FDI sẽ giảm tới 15% (UNCTAD, 2020b). Thực tế, những gì đang diễn ra trên thế giới cho thấy đây là kịch bản đang xảy ra. Sự tác động đến FDI của COVID-19 sẽ tập trung ở những nước bị dịch bệnh này hoành hành và tình hình khó kiểm soát nhất. Đồng thời, điều này vẫn ảnh hưởng tương đối đến chuỗi cung ứng toàn cầu (UNCTAD, 2020a).



Biểu đồ 2. Dòng vốn FDI phân theo lĩnh vực tại các quốc gia Châu Á -Thái Bình Dương giai đoạn 2009-2018

Nguồn: ESCAP, 2019b

Giai đoạn 2014-2018, các quốc gia đang phát triển Châu Á cũng là điểm đầu tư lý tưởng cho các DN trên thế giới, đặc biệt là trong những lĩnh vực tìm kiếm các nguồn lực tự nhiên như ngành than và dầu khí, bất động sản, hóa chất và kim loại. Bên cạnh đó, lao động rẻ và chi phí sản xuất thấp cũng là động lực lớn thúc đẩy làn sóng đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững và công nghệ cao, điển hình là ngành năng lượng tái tạo, chất bán dẫn, viễn thông và linh kiện điện tử.

3.2 Những thay đổi trong chính sách thu hút FDI của một số quốc gia đang phát triển Châu Á

Trong bối cảnh hiện nay, để nhanh chóng hài hoà chính sách với một số nước phát triển, tăng cường thu hút FDI và thúc đẩy sự phát triển, các quốc gia đang phát triển ở Châu Á đã và đang đẩy mạnh thu hút FDI thông qua quá trình hoàn thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là đề xuất cải thiện các chính sách, làm đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, nhóm tác giả có thể nhận thấy những thay đổi quan trọng trong hoạch định chính sách liên quan đến FDI của các quốc gia này.

3.2.1 Quy định luật pháp và chính sách liên quan đến FDI đa dạng và theo xu hướng thuận lợi hóa

Bảng 1. Một số điều chỉnh chính sách liên quan đến FDI tại 7 quốc gia đang phát triển ở Châu Á giai đoạn 2015-2020

Quốc gia	Một số quy định, chính sách mới liên quan đến FDI
Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh luật liên quan FDI: Luật Công ty (2018), Luật Doanh nghiệp (DN) hợp danh (2006), Luật Đầu tư nước ngoài (2019), Danh mục các ngành CN khuyến khích đầu tư nước ngoài (2019). - Ngày 09/01/2019, Chính phủ (CP) cắt giảm thuế trị giá 200 tỷ NDT (29,43 tỷ USD) đối với các công ty nhỏ. - Các công ty công nghệ cao và công nghệ mới nước ngoài đủ điều kiện sẽ được giảm thuế suất thuế thu nhập từ 25% xuống 20%. - Nếu nhà đầu tư nước ngoài thành lập công ty tại một trong các đặc khu kinh tế của Trung Quốc thì có thể được hưởng những ưu đãi như: giảm thuế DN, miễn thuế và thuế suất trong một số năm.
Ấn Độ	<ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách FDI do Tổng cục Chính sách và Xúc tiến CN (DIPP) ban hành; (Quy tắc NDI) 2019; Quy định Quản lý Ngoại hối năm 2019 do Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI) ban hành. - CP đã đầu tư cơ sở hạ tầng để hỗ trợ vận hành các đặc khu kinh tế, nhiều đặc khu kinh tế có sân bay, bến cảng và ga tàu riêng; các ưu đãi về thuế, như giảm thuế trong vòng 15 năm đối với các dự án thực hiện trong các đặc khu kinh tế trong cả nước. - Để thúc đẩy xuất khẩu (XK) đối với các DN FDI, CP khấu trừ 100% lợi nhuận và lãi thu được từ hoạt động kinh doanh XK trong 5 năm đầu, 50% lợi nhuận và lãi từ kinh doanh XK trong 5 năm tiếp theo, 50% lợi nhuận sau thuế và lãi từ kinh doanh XK trong 5 năm tiếp theo.

Quốc gia	Một số quy định, chính sách mới liên quan đến FDI
	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty công nghệ được miễn giảm thuế thu nhập liên quan đến đầu tư.
Thái Lan	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Đạo luật xúc tiến đầu tư sửa đổi, Chương trình ưu đãi thuế cho các DN nước ngoài 2019 và chiến lược xúc tiến đầu tư. - Nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, tự động hóa, hoặc thuê lao động tay nghề cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (các ngành STEM) có thể được khấu trừ thuế lên đến 200%. - Thái Lan sở hữu 74 SEZs, với định hướng năng lượng và điện tử, công nghệ cao. - Miễn, giảm thuế NK máy móc, thiết bị; giảm thuế NK nguyên liệu; miễn, giảm thuế thu nhập DN; giảm 50% thuế thu nhập DN; khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước; miễn thuế NK đối với nguyên liệu và nguyên liệu thiết yếu sử dụng để sản xuất hàng XK.
Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Luật Đầu tư 2020 và Luật DN 2020 - Giảm mức thuế suất phổ thông qua các lần sửa Luật Thuế Thu nhập DN: giai đoạn 2014-2015 là 22% và từ ngày 01/01/2016 đến nay là 20%. - Việt Nam đã ban hành Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định về quản lý khu CN và khu kinh tế, trong đó có ưu đãi đối với khu CN, khu kinh tế.
Philippines	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo luật hợp lý hóa thuế thu nhập DN và ưu đãi - Giới thiệu một nền tảng kỹ thuật số - Ngân hàng dữ liệu kinh doanh Philippines nhằm rút ngắn thời gian cần thiết để xin và gia hạn giấy phép. - Về ưu đãi thuế, Chính phủ giảm thuế suất công ty 5% vào năm 2020, sau đó là 1%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2021 cho đến khi đạt 20% (hiện tại là 30%). - Công ty thành lập trong khu kinh tế đặc biệt được ưu đãi (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 hoặc 6 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập DN; miễn thuế nhập khẩu (NK) đối với thiết bị vốn, phụ tùng, nguyên liệu và vật tư cần thiết trong hoạt động đã đăng ký, khấu trừ thuế cho công ty hoạt động XK sử dụng nguyên liệu đầu vào tại Philippines).
Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> - Các ưu đãi về thuế cho các lĩnh vực và khu vực ưu tiên; không đánh thuế NK và các loại thuế khác cho các sản phẩm được sử dụng trong các Khu thương mại tự do (FTZs) và Khu vực cảng tự do (FPs). - Ưu đãi ngoài thuế: một số chính sách ưu đãi đầu tư khác như lãi suất tín dụng, chính sách XK hàng hóa khá thông thoáng. - Đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép đầu tư, đặc biệt là vào các ngành CN.
Malaysia	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch ngân sách năm 2020 của Malaysia tập trung vào ưu đãi thuế để thu hút ĐT từ các tập đoàn đa quốc gia (TNCs), đặc biệt là Trung Quốc. Để hưởng ưu đãi, các công ty nước ngoài phải ĐT ít nhất 1,1 tỷ USD và tương ứng, CP sẽ cung cấp gói ưu đãi 238 triệu USD trong vòng 5 năm. - Thiết lập một kênh đặc biệt phục vụ riêng cho nhà ĐT Trung Quốc; thành lập ban chuyên trách để ưu tiên giải quyết đầu tư của DN Hoa Kỳ và Trung Quốc có nhu cầu di chuyển sản xuất rời khỏi Trung Quốc.

Quốc gia	Một số quy định, chính sách mới liên quan đến FDI
	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhà đầu tư trong lĩnh vực điện và điện tử sẽ được miễn thuế 10 năm. Mục tiêu mà Malaysia hướng tới là phát triển nền CN dựa trên việc áp dụng công nghệ mới, tái đào tạo lực lượng lao động trong nước và phát triển CN hỗ trợ trong ngành điện và điện tử; Ưu đãi cũng dành cho các DN tự động hóa sản xuất. - Miễn 70% thuế thu nhập cho DN có chứng nhận là “công ty kinh doanh quốc tế” có 70% vốn sở hữu thuộc về người Malaysia, miễn chi phí sử dụng các dịch vụ như bảo hiểm, tàu bè, cảng đối với các hoạt động XK; Miễn thuế NK nguyên vật liệu thô, hàng hóa trung gian cho các hoạt động chế tạo phục vụ XK. - Bãi bỏ thuế đối với các mặt hàng điện tử như tủ lạnh, điều hòa để giúp các nhà chế tạo trong nước cạnh tranh. - Áp dụng chính sách đào tạo lao động theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Luật và các quy định liên quan được đơn giản hóa và kết nối với phát triển nền tảng công nghệ:

Trước tiên, các nước đang phát triển tại Châu Á đều có những thay đổi quan trọng để thu hút dòng vốn đầu tư thông qua minh bạch và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến FDI, cụ thể sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư và Doanh nghiệp, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Cạnh tranh và cơ chế giải quyết tranh chấp và các quy định liên quan. Trong đó, có thể kể đến Đạo luật xúc tiến đầu tư mới của Thái Lan năm 2018 và bộ Luật Đầu tư nước ngoài mới năm 2019 của Trung Quốc. Việt Nam đã sửa đổi Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020. Trung Quốc cũng mở cửa hơn trong lĩnh vực công nghệ 5G, sản xuất thiết bị chip, điện toán đám mây, robot công nghiệp, năng lượng mới, ô tô thông minh, y tế hiện đại và dược phẩm (KPMG, 2019). Ấn Độ tiến hành tự do hóa một số ngành như kinh doanh bán lẻ thương hiệu, hàng không (UNCTAD, 2018).

Ngoài ra, các nước cũng cắt giảm và đẩy nhanh tiến độ trong thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư, tạo điều kiện cho DN FDI thâm nhập thị trường nước tiếp nhận. Cụ thể, Ấn Độ với những chính sách như giới thiệu hình thức hỗ trợ các nhà đầu tư mới “Đơn giản hóa hồ sơ công ty điện tử (SPICe)” để giảm thời gian và thuận lợi hóa quá trình thành lập công ty, ban hành quy trình vận hành tiêu chuẩn cho xử lý các dự án đề xuất FDI, chỉ định của cơ quan có thẩm quyền và khung thời gian cụ thể. Còn Thái Lan đã miễn trừ yêu cầu giấy phép của doanh nghiệp nước ngoài trong một số hoạt động ngân hàng và bảo hiểm, xây dựng công thông tin tư vấn cho các công ty về tiến độ xử lý thủ tục và cho phép DN nộp hồ sơ đăng ký qua cổng thông tin này. Philippines đã giới thiệu một nền tảng kỹ thuật số - Ngân hàng dữ liệu kinh doanh Philippines nhằm mục đích rút ngắn thời gian cần thiết để xin và gia hạn giấy phép (UNCTAD, 2018).

Áp dụng nguyên tắc đối xử ngày càng tiến bộ với các nhà đầu tư nước ngoài theo cách tiếp cận bền vững

Các quốc gia đã áp dụng các nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư nước ngoài, giữa các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước. Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp FDI, hầu hết các nước đã dỡ bỏ dần những lệnh cấm và hạn chế đầu tư trong một số ngành, những yêu cầu liên doanh, tăng tỷ lệ góp vốn và quyền kiểm soát của DN nước ngoài, giảm yêu cầu quy định chuyển giao công nghệ (CGCN), tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài đến làm việc và cư trú tại các quốc gia. Đồng thời, cách tiếp cận nguyên tắc đối xử với các nhà đầu tư cũng theo hướng bền vững, cụ thể là những nhóm lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tháng 11/2015, Ấn Độ tạo điều kiện cho DN nước ngoài kinh doanh trong ngành hàng không dân dụng, xây dựng, quốc phòng, sản xuất và khai thác, vốn là những lĩnh vực nhạy cảm thường được bảo hộ mạnh mẽ. Trung Quốc cũng nới lỏng lệnh cấm, hạn chế đầu tư trong lĩnh vực biểu diễn, thăm dò dầu khí, đại lý tàu biển, rạp chiếu phim và viễn thông giá trị gia tăng. Nước này cũng khuyến khích các dự án FDI vào công nghệ 5G, thiết bị điện toán đám mây, robot công nghiệp, ô tô năng lượng mới, phụ tùng linh kiện ô tô thông minh, vật liệu mới trong các ngành dược phẩm, hàng không vũ trụ, trí tuệ nhân tạo, logistics, sản xuất sạch, nông nghiệp xanh (NDRC & MOF, 2019).

Ưu đãi thuế đối với các dự án FDI theo các gói hỗ trợ

Ưu đãi thuế đã được các nước sử dụng rộng rãi như một yếu tố hỗ trợ thúc đẩy đầu tư vào cả các quốc gia phát triển và đang phát triển (Zee & cộng sự, 2002). Trước hết, hiện nay, các quốc gia đang phát triển Châu Á đang có xu hướng cạnh tranh trong các chính sách ưu đãi thuế để thu hút dòng vốn FDI. Việt Nam đã giảm mức thuế suất phổ thông qua các lần sửa Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp: giai đoạn 2009-2013 là 25%, giai đoạn 2014-2015 là 22% và từ ngày 1/1/2016 đến nay là 20% (Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp). Theo Hội đồng Đầu tư Thái Lan (BOI), năm 2019, quốc gia này cũng đã có một gói kích thích đầu tư “Thailand Plus” với 7 trọng tâm, trong đó bao gồm ưu đãi thuế và khấu trừ thuế: miễn, giảm thuế nhập khẩu máy móc, nguyên liệu; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp; khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước; bổ sung 25% khấu trừ chi phí xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng của DN (BOI, 2019). Tiếp đến, theo Bộ phận cải cách thuế của Bộ Tài chính Philippines (DOF), tháng 9 năm 2019, Chính phủ cũng đã đưa ra Đạo luật hợp lý hóa thuế thu nhập DN và ưu đãi (CITIRA). CITIRA sẽ giảm dần thuế thu nhập doanh nghiệp từ 30% xuống 20% trong thời gian 10 năm cũng như hợp lý hóa các ưu đãi thuế cụ thể (Malvenda, 2019). Ấn Độ giới thiệu quy định số 45/2019 của Chính phủ nhằm đặt ra một loạt các ưu đãi thuế cho các DN đầu tư vào các ngành công nghiệp

thâm dụng lao động, các chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Quy định 45/2019 có thể đặc biệt thuận lợi cho các công ty nước ngoài muốn thành lập cơ sở sản xuất tại Ấn Độ cho các lĩnh vực như dệt may, hàng hóa và dịch vụ. Còn theo Luật Thuế thu nhập DN của Trung Quốc, Chính phủ cũng giảm hoặc miễn thuế thu nhập DN đối với thu nhập từ các dự án được quy định cụ thể. Ví dụ, các dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản được miễn hoặc giảm 50% tất cả các năm khi DN tham gia vào dự án. Ngoài ra còn có các ưu đãi thuế liên quan đến khấu trừ chi phí và chi phí.

3.2.2 Ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao gắn liền các hoạt động số hoá nền kinh tế

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học công nghệ, các quốc gia đang phát triển Châu Á chủ động nắm bắt cơ hội để thay đổi cơ cấu kinh tế từ các ngành CN thâm dụng lao động sang các ngành CN công nghệ cao. Đây là quá trình tất yếu nếu các quốc gia không muốn tụt hậu lại phía sau.

Năm 2016, Trung Quốc đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ 13, nêu rõ quan điểm thu hút FDI vào các ngành kỹ thuật cao, kinh nghiệm quản lý nhân lực chất lượng cao. Quốc gia này khuyến khích vốn FDI vào công nghệ 5G, thiết bị điện toán đám mây, robot CN, ô tô năng lượng mới, phụ tùng linh kiện ô tô thông minh, vật liệu mới trong các ngành dược phẩm, hàng không vũ trụ; trí tuệ nhân tạo, logistics, sản xuất sạch, nông nghiệp xanh (Central Committee of the Communist Party of China, 2016).

Gói kích thích đầu tư của Thái Lan - “Thailand Plus” quy định: các DN đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, tự động hóa, hoặc thuê lao động tay nghề cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (gọi chung là các ngành STEM) có thể được khấu trừ thuế lên đến 200%. Các nhà đầu tư nước ngoài có chỗ đứng trong nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực sản xuất có giá trị cao như điện tử, ô tô, hàng không vũ trụ có thể được hưởng lợi từ gói mới nhất này.

Theo cơ quan phát triển đầu tư Malaysia (MIDA), từ năm 1996, quốc gia này đã khuyến khích đầu tư cho các dự án công nghệ cao, công nghệ sinh học, quang điện tử, công nghệ không dây và vật liệu tiên tiến. Để thu hút các công ty công nghệ đẳng cấp thế giới (cả trong nước và ngoài nước) và khuyến khích phát triển ngành công nghệ thông tin, công nghệ cao, Chính phủ Malaysia đề ra sáng kiến phát triển công nghệ thông tin quốc gia, gọi là khu công nghệ thông tin - một khu vực có vị trí địa lý xác định, có môi trường kinh doanh thuận lợi với hệ thống sinh thái tốt để thu hút các nhà đầu tư và hỗ trợ phát triển cho các công ty trong nước trở thành những công ty đẳng cấp quốc tế. Tính đến năm 2015, Malaysia có 30 khu công nghệ thông tin và có gần 3000 công ty đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Các công ty này thuộc đối tượng

được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư như miễn 100% thuế thu nhập DN trong thời gian 10 năm, tiếp cận nguồn vốn không hoàn lại về R&D (Vũ, 2015).

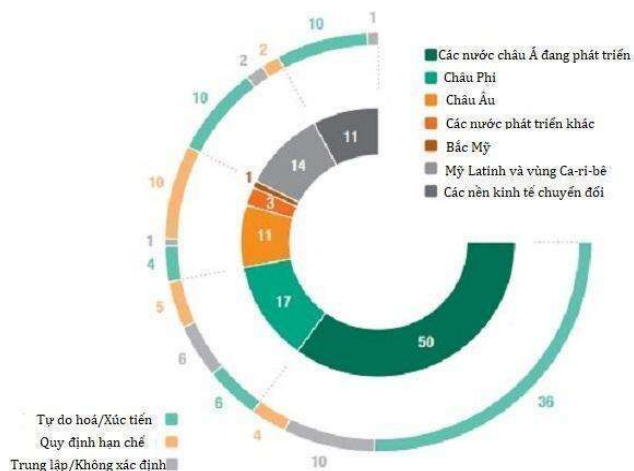
Nhìn chung, các quốc gia đang phát triển tại Châu Á đang có xu hướng triển khai rất nhiều chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư công nghệ cao. Các chính sách ấy đã góp phần rất lớn để hiện thực hóa mục tiêu dài hạn và chiến lược của các quốc gia là thu hút các dự án FDI chất lượng nhằm đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là từ các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới.

3.2.3 Phát triển các đặc khu kinh tế công nghệ cao bền vững

Cuối cùng, các nước Châu Á này đều đánh giá cao vai trò của các đặc khu kinh tế và tiến hành xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách tại các đặc khu này. Năm 2018, thế giới có hơn 5400 SEZs thì Châu Á chiếm hơn ¾ trong số đó. Trong thời gian tới, 500 SEZs nữa dự kiến được lập, với xu hướng mới là phát triển bền vững các SEZs. Nổi bật là Trung Quốc (2543), Philippines (528), Ấn Độ (373), Thái Lan (74), Malaysia (45) (UNCTAD, 2019). Các đặc khu kinh tế thường tập trung vào mục tiêu rõ ràng như trở thành khu chế tạo, khu công nghệ cao, khu dịch vụ, đặc khu thúc đẩy xuất khẩu hay thu hút TNCs. Những năm gần đây, các quốc gia này đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi riêng cho các SEZs, bao gồm giảm thuế, đơn giản hóa thủ tục thông quan, tự do hóa chính sách lao động, đất đai, giảm dần và dỡ bỏ kiểm soát đối với vốn và ngoại tệ, các khoản vay lãi suất thấp. Trong đó, Trung Quốc, Thái Lan và Philippines đã thể hiện mức độ tự do hóa cao nhất. Hiện nay, các quốc gia đã chuyển hướng xây dựng và phát triển đặc khu chuyên về công nghệ cao, dịch vụ và tài chính, đặc biệt là Trung Quốc với mô hình SEZ thể hệ 3 - định hướng dịch vụ và thân thiện với môi trường. UNCTAD cho rằng khung pháp lý vững chắc, thể chế mạnh, chiến lược xúc tiến đầu tư và quản trị tốt là những yếu tố quan trọng của một SEZ thành công. Trong đó, Châu Á là khu vực chiếm ¾ số lượng SEZs thế giới, hiện đang tập trung vào những khu công nghệ cao (những nước phát triển hơn) và khu sản xuất (nước đang phát triển).

3.3 Đánh giá sự thay đổi chính sách FDI tại các quốc gia đang phát triển Châu Á

Để đón đầu làn sóng đầu tư thế giới, những năm gần đây, các quốc gia đang phát triển tại Châu Á đã mở cửa đón nhận dòng vốn FDI, thông qua gia tăng chính sách tự do hóa đầu tư cả về quy mô (số lượng) và nội dung (chất lượng). Năm 2018, các quốc gia đang phát triển Châu Á đưa ra 42 chính sách mới về đầu tư, bao gồm 32 chính sách thuận lợi hóa, chiếm 50% tổng chính sách tự do hóa đầu tư của thế giới cùng năm. Đặc biệt, Trung Quốc, Thái Lan là những quốc gia có sự gia tăng về quy mô và đổi mới linh hoạt khung chính sách để hấp dẫn các nhà đầu tư. Điều này đã thúc đẩy FDI vào các nước đang phát triển ở Châu Á tăng 3,9% vào năm 2018, chiếm 39% FDI toàn cầu (năm 2017 là 33%) (UNCTAD, 2019).



Biểu đồ 3. Phân bố các biện pháp, chính sách đầu tư quốc gia theo khu vực trên thế giới năm 2019

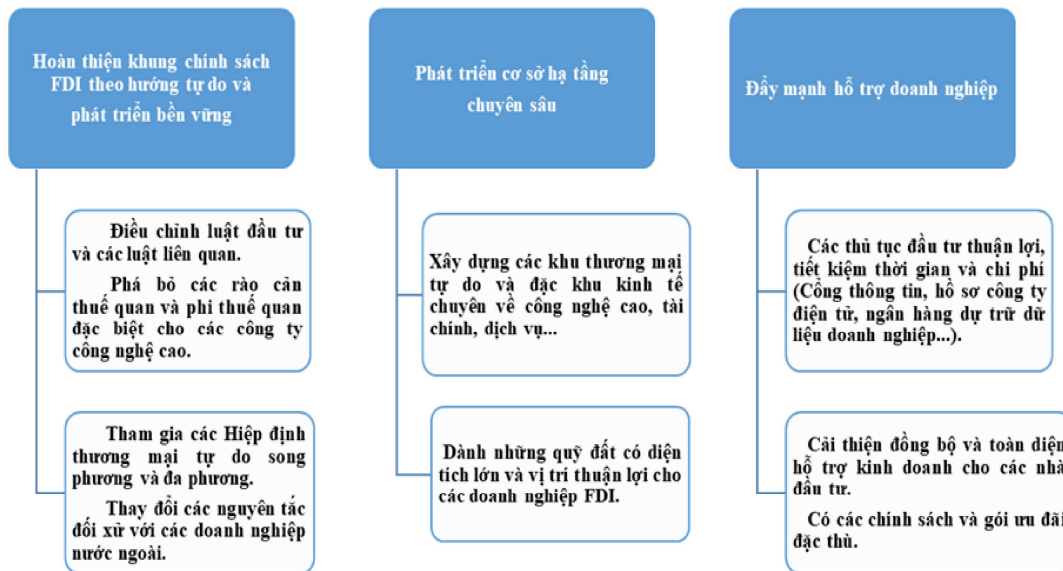
Nguồn: UNCTAD, 2020c

Hệ thống luật pháp và chính sách liên quan đến FDI được ban hành mới hoặc điều chỉnh linh hoạt và đa dạng, giúp cải thiện môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận

Chính phủ các nước đang phát triển tại Châu Á thể hiện sự linh hoạt trong hoạch định, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư đa dạng. Một loạt các chính sách thu hút FDI của các quốc gia đang phát triển này nhằm hướng đến cải thiện đồng bộ và toàn diện môi trường đầu tư, trong đó, ưu đãi thuế vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu và cải cách quan trọng của các quốc gia. Hàng năm, mở rộng lĩnh vực khuyến khích và giảm bớt lĩnh vực hạn chế đầu tư, tăng trần sở hữu nước ngoài cũng là một thay đổi quan trọng nhằm thu hút nhà đầu tư vào những ngành chiến lược. Ngoài ra, các quốc gia cũng ban hành và sửa đổi các bộ luật liên quan đến FDI và cơ chế giải quyết tranh chấp. Khi xu hướng phát triển Chính phủ điện tử ngày càng phổ biến, nhiều nước đã áp dụng hệ thống đăng ký công ty điện tử nhằm rút ngắn thời gian cần thiết để đăng ký, thành lập DN, bao gồm Ấn Độ và Philippines. Một số chính sách khác được áp dụng ở các nước đang phát triển Châu Á như đưa ra nhiều gói ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các tỉnh, vùng định hướng phát triển, tăng trần cấp Visa để thu hút nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài, cho phép chuyển lợi nhuận ra nước ngoài bằng ngoại tệ, ký kết hiệp định đầu tư song. khu vực và đa phương.

Tính đa dạng, linh hoạt và toàn diện của khung chính sách FDI đã đem lại những thành công cho các nước Châu Á, giúp các quốc gia đang phát triển này trở thành những địa điểm đầu tư có sức hấp dẫn hàng đầu đối với các DN FDI trên thế giới. Kết thúc năm 2019, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam đạt 20,38 tỷ USD,

tăng 6,7% so với năm 2018 (Nguyễn, 2020). Cũng trong năm 2019, lượng vốn FDI vào Ấn Độ đạt mức kỷ lục 49,97 tỷ USD, tăng 13% so với mức 44,36 tỷ USD năm 2018. Trong đó, lĩnh vực phần mềm và phần cứng máy tính thu hút được 7,67 tỷ USD, viễn thông 4,44 tỷ USD, thương mại 4,57 tỷ USD, ngành CN ô tô 2,82 tỷ USD và xây dựng 2 tỷ USD (DPIIT, 2019).



Biểu đồ 4. Một số đặc trưng môi trường FDI tại quốc gia đang phát triển tại Châu Á

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

Các chính sách cũng được ban hành kịp thời và đồng bộ để tăng cường thu hút FDI nhằm tận dụng những yếu tố thuận lợi từ bên ngoài. Trung Quốc cũng đã có những thay đổi trong bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu giảm sút tốc độ tăng trưởng, đối mặt với nhiều thách thức trong quan hệ quốc tế và đặc biệt là một số DN FDI chuyển về nước hoặc sang nước khác. Ngày 15/03/2019, Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Trung Quốc đã thông qua Luật Đầu tư nước ngoài thay thế cho ba luật hiện hành khác của Trung Quốc. Thông thường, tiến trình xây dựng luật của Trung Quốc diễn ra vài ba năm mới kết thúc, nhưng Luật Đầu tư nước ngoài chỉ mất 3 tháng - một thời gian ngắn kỷ lục cho thấy Chính phủ Trung Quốc đã nỗ lực và linh hoạt để thích nghi với bối cảnh như thế nào. Năm 2020, Việt Nam ký Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) (EVIPA). Dưới tác động của chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và gần đây dịch Covid-19, cạnh tranh thu hút FDI ngày càng trở nên gay gắt. Để “đón sóng” đầu tư nước ngoài dịch chuyển từ Trung Quốc, các quốc gia trong khu vực đã cạnh tranh quyết liệt với Việt Nam. Ngay như Ấn Độ, chỉ trong tháng 04/2020, Chính phủ nước này đã chủ động tiếp cận hơn 1.000 công ty Hoa Kỳ và đưa ra những

chính sách ưu đãi đặc biệt cho các DN đang có kế hoạch cân nhắc chuyển khỏi Trung Quốc. Thậm chí, Chính phủ Ấn Độ còn đang chuẩn bị một quỹ đất có diện tích lớn gấp đôi công quốc Luxembourg nhằm chuẩn bị cho làn sóng dịch chuyển các nhà máy từ Trung Quốc (Nguyễn, 2020). Thái Lan đã công bố gói “tái định cư” cho các nhà sản xuất đang chuẩn bị rời khỏi Trung Quốc, với hàng loạt chính sách ưu đãi lớn. Ngay cả Trung Quốc cũng đã ban hành Luật Đầu tư mới để “giữ chân” các nhà đầu tư nước ngoài. Chính phủ Việt Nam cũng sửa đổi Luật Đầu tư 2020, Luật Doanh nghiệp 2020, triển khai các chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-TW ngày 20/08/2019 do Bộ Chính trị thông qua nhằm thu hút đầu tư nước ngoài trong tình hình mới.

Dòng vốn vào ngành công nghệ cao gia tăng mạnh mẽ, góp phần số hoá nền kinh tế

Nhờ những ưu đãi đặc biệt trong ngành công nghệ cao, các quốc gia đang phát triển Châu Á đã thành công trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực quan trọng và tiềm năng này. Trong đó, Trung Quốc, Singapore, Ấn Độ, Thái Lan có số lượng dự án tăng trưởng ấn tượng nhờ cơ chế mở cửa, thị trường tiêu thụ rộng lớn. Theo Cục thống kê Singapore (DOS), năm 2019, lượng vốn FDI vào sản phẩm máy tính, điện tử và quang học tăng 54% so với năm 2018. Bên cạnh đó, TNCs công nghệ lớn như Google, Facebook và Alibaba đang tập trung xây dựng thêm các trung tâm dữ liệu tại Singapore (UNCTAD, 2019). Trong 4 tháng đầu năm 2018, FDI vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao tăng mạnh 79,5% so với cùng kỳ năm 2017 lên 29,6 tỷ nhân dân tệ (4,65 tỷ USD) (Shuiyu, 2018). Tuy nhiên, các quốc gia kém phát triển hơn như Việt Nam, Malaysia mặc dù có sự gia tăng dòng vốn vào lĩnh vực công nghệ cao nhưng lại chưa có sự cải thiện đáng kể về cả chất và lượng. Nguyên nhân là do các quốc gia này chưa xây dựng được cơ sở vật chất hiện đại, chi phí logistics cao và đặc biệt là chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực mà chủ yếu chỉ đảm bảo về mặt sản xuất. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các quốc gia này cần nhanh chóng cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thu hút các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới.

Các đặc khu kinh tế hoạt động tương đối hiệu quả và đóng góp lớn cho nền kinh tế

Những năm gần đây, xây dựng các khu thương mại tự do và đặc khu kinh tế vẫn là xu hướng nổi bật trong khu vực Châu Á, với tiên phong sự mở đường và dẫn đầu của Trung Quốc. Nhiều SEZs đã đạt được thành công, góp phần thu hút dòng vốn FDI cũng như thúc đẩy thương mại. Ở Trung Quốc, SEZs chiếm hơn 80% vốn FDI tích lũy. Năm 2017, chỉ riêng 156 khu phát triển công nghệ cao (HTDZ) của Trung Quốc đã đóng góp 1,42 nghìn tỷ USD vào GDP của Trung Quốc, hay

11,5% nền kinh tế. Trong các khu vực này, tỷ lệ đầu tư cho hoạt động (R&D) cho tổng giá trị sản xuất là 6,5%, gấp ba lần mức trung bình của nền kinh tế quốc dân. Bằng sáng chế cấp cho các DN trong khu vực chiếm 46% tổng số bằng sáng chế kinh doanh được cấp trên toàn quốc. SEZs cũng được ghi nhận với hơn 60% xuất khẩu của Philippines và gần 10% của Ấn Độ (UNCTAD, 2019). Tuy nhiên, không phải đặc khu nào cũng đạt được thành công. Sự thất bại của các SEZ thường liên quan đến các vấn đề cơ bản như vị trí kém hấp dẫn, yêu cầu chi tiêu vốn lớn hoặc ở xa các trung tâm cơ sở hạ tầng hoặc các thành phố có nhiều lao động; nguồn cung cấp điện không bền vững; thiết kế khu kém với cơ sở vật chất không đầy đủ hoặc bảo trì; thủ tục hành chính rườm rà; cơ cấu quản trị yếu kém. Do đó, những đóng góp của SEZs đối với nền kinh tế cần được cân nhắc kỹ lưỡng so với chi phí xây dựng và vận hành.

4. Một số gợi ý liên quan đến quá trình thay đổi chính sách FDI cho Việt Nam giai đoạn tới

Từ nghiên cứu cụ thể về quá trình thay đổi chính sách FDI, cụ thể là tự do hóa chính sách đầu tư mà 7 nền kinh tế đang phát triển tại Châu Á đã triển khai trong những năm gần đây, đặc điểm chung trong quá trình thu hút dòng vốn này với bối cảnh mới chính là những thay đổi đa dạng và linh hoạt khung chính sách và các yếu tố hỗ trợ trong quá trình đầu tư của các DN tại các nước tiếp nhận. Qua đó, Việt Nam có thể học hỏi và điều chỉnh chính sách đầu tư phù hợp với các nước trong khu vực theo những định hướng sau:

4.1 Chủ động xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên và triển khai thực hiện các chính sách thu hút FDI trong bối cảnh phát triển kinh tế số

Việt Nam cần chủ động xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên và triển khai thực hiện các chính sách, thu hút FDI trong bối cảnh phát triển kinh tế số. Khi nghiên cứu về chính sách thu hút FDI vào Trung Quốc và các quốc gia đang phát triển khác tại Châu Á, một điểm chung dễ nhận thấy là các nước này đều đưa ra danh mục lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư một cách đặc thù, linh hoạt và cập nhật hàng năm. Đây là một điểm nổi bật mà Việt Nam cần có sự điều chỉnh phù hợp, do thường không hệ thống hóa lĩnh vực ưu tiên phát triển bằng những ấn phẩm chính thức, được biết đến rộng rãi và chỉ cập nhật sau một thời gian tương đối dài thông qua các kế hoạch 5 năm và Luật đầu tư. Để hiện thực hóa mục tiêu 2035, hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng, dân chủ, Chính phủ cần xác định rõ lĩnh vực ưu tiên đầu tư, mở cửa thị trường ở những lĩnh vực xu hướng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh. Việt Nam cần chủ động lựa chọn hướng và thực hiện chính sách ưu đãi tài chính tốt, mang tính đặc thù của nền kinh tế cho các dự án FDI liên quan đến R&D, y tế, công nghệ cao, linh kiện điện tử, sản xuất ô tô và máy móc, logistics, năng lượng sạch và các công nghệ liên quan đến cuộc cách mạng 4.0.

Hiện nay, khi TNCs trên thế giới đang điều chỉnh chiến lược đầu tư, điều chỉnh chuỗi cung ứng sản xuất toàn cầu phù hợp với những biến động trong hoạt động đầu tư, do đó Việt Nam cần chủ động, linh hoạt bắt nhịp để thu hút các dự án FDI. Thực tế cho thấy các nhà đầu tư từ Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản đã và tiếp tục có chiến lược đầu tư trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và phát triển của nền kinh tế số.

4.2 Ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao và khu CN chuyên sâu công nghệ cao

Chọn lọc một số ngành công nghệ cao và tập trung chất lượng của các dự án FDI theo hướng bền vững

Nghiên cứu về chính sách của các quốc gia, Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan là những nước có sự chọn lọc kỹ lưỡng các dự án FDI, dành nhiều ưu đãi nổi bật trong lĩnh vực công nghệ cao để làm đòn bẩy cho nền kinh tế và đạt được những kết quả ấn tượng. Trong bối cảnh phát triển kinh tế số thì lựa chọn tập trung một số ngành công nghệ cao đặc thù với từng quốc gia có tính thực tiễn cao. Đó là những lĩnh vực nhằm tạo động lực phát triển kinh tế bền vững. Cụ thể, 17/17 Hiệp định đầu tư song phương của Ấn Độ có chứa điều khoản về phát triển bền vững (ESCAP, 2019a). Trong khi đó, dòng vốn FDI vào Việt Nam đang tập trung chủ yếu ở khâu lắp ráp, gia công, tạo ra giá trị gia tăng rất thấp. Vì thế, Chính phủ cần sớm xây dựng khung tiêu chí đánh giá dự án FDI chặt chẽ hơn, thành lập cơ quan chuyên trách thẩm định chất lượng và đặt các mức ưu đãi, yêu cầu riêng với từng địa phương để chọn lọc được dòng vốn hiệu quả và phù hợp, chú trọng đến yếu tố đẩy mạnh hơn hoạt động CGCN trong các dự án. Đặc biệt, trong bối cảnh các tập đoàn lớn và SMEs trên thế giới đang có sự di chuyển địa điểm đầu tư để thích ứng với bối cảnh phát triển mới. Ngoài ra, Chính phủ cũng cần quy định rõ hạn mức về quy mô, số lượng việc làm mới, công nghệ, định hướng đầu tư, để các nhà đầu tư nhận được thêm ưu đãi. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần chủ động hơn trong quá trình đón đầu các án mới của nhà đầu tư phù hợp với kinh tế và từng địa phương để tiếp nhận dự án FDI phù hợp trong xu hướng chuyển dịch địa điểm đầu tư với bối cảnh mới của khu vực và trên thế giới.

Tiếp tục triển khai và phát triển các dự án FDI theo cụm, khu CN chuyên sâu công nghệ cao

Lý thuyết và thực tiễn trên thế giới cho thấy muốn thu hút FDI chất lượng từ các dự án của các nhà đầu tư lớn thì cần hình thành và phát triển theo cụm, hơn là phát triển nhiều ngành, lĩnh vực đơn lẻ ở các điểm khác nhau (Nguyễn & Nguyễn, 2019). Điển hình là Trung Quốc với hàng nghìn đặc khu kinh tế chuyên môn hóa, định hướng sản xuất và xuất khẩu hoặc công nghệ cao. Đây chính là nơi quy tụ của các DN lớn, DN vệ tinh tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng. Malaysia cũng

là nước có nhiều nỗ lực thu hút FDI bằng cách triển khai khu công nghệ thông tin - khu vực có vị trí địa lý xác định, có môi trường kinh doanh thuận lợi với hệ thống sinh thái tốt để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Tại Việt Nam, ở miền Bắc đã hình thành một số khu vực tập trung các ngành khác nhau cùng chuỗi giá trị như tại Vĩnh Phúc (sản xuất phụ tùng ô tô và xe máy) hay Bắc Ninh và Thái Nguyên (sản xuất linh kiện và sản phẩm điện tử). Giai đoạn tới, rất cần cú hích mạnh từ chính sách để quy hoạch, phát triển bài bản các khu vực này thành cụm, tăng cường kết nối nội bộ và kết nối với khu vực trong nước, từ đó trở thành đòn bẩy vững chắc cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

4.3 Một số chính sách khác

Phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại đặc thù và tối ưu hóa hoạt động logistics

Báo cáo “The influence of policies on foreign direct investment” của OECD đã nhận định thực tiễn phát triển cơ sở hạ tầng và sự vận hành hoạt động logistics là những yếu tố thúc đẩy quyết định đầu tư FDI (Nicoletti & cộng sự, 2003). Trong đó, xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng là một trong bốn chính sách được các Chính phủ ủng hộ rộng rãi, đặc biệt phát triển lĩnh vực công nghệ cao. Điển hình là Trung Quốc với những nỗ lực mạnh mẽ nhằm phổ biến và phủ sóng mạng 5G, coi đây là ưu tiên chiến lược. Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin Trung Quốc cho biết nước này đã lắp đặt 690.000 trạm gốc 5G tính đến cuối tháng 09/2020. Trung Quốc cũng đẩy mạnh đầu tư hệ thống đường cao tốc hiện đại, kết nối toàn bộ các thành phố lớn, thành phố vệ tinh. Theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020, Trung Quốc đã tập trung triển khai là xây dựng thêm 40 trạm vận chuyển liên hợp, 18 trung tâm logistics và hơn 100 cảng biển chuyên dụng. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng, logistics kém phát triển lại là một yếu điểm lớn, khiến các DN FDI ngần ngại thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Hiện nay, năng lực hoạt động của các cảng biển, các tuyến đường bộ nhanh xuống cấp, tốc độ và chi phí vận chuyển hàng hóa nội địa vẫn còn cao là những yếu kém chủ yếu của nền kinh tế. Điều này đòi hỏi Chính phủ phải cơ cấu lại đầu tư công, tập trung vào cải thiện hệ thống giao thông vận tải, năng lực xếp dỡ của các cảng biển, hạn chế việc lưu kho lâu và đẩy nhanh năng lực vận hành toàn bộ chuỗi cung ứng.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong một số ngành công nghệ chuyên sâu

Nguồn nhân lực là yếu tố ảnh hưởng đến sự hấp dẫn của thị trường và năng lực tham gia vào toàn cầu hóa kinh tế của các quốc gia. Nó cũng là động lực quan trọng trong thu hút dòng vốn FDI chất lượng, đặc biệt là TNCs trên thế giới. Việt Nam đang đặt vấn đề lấy sự phát triển nguồn nhân lực làm động lực cho tăng trưởng kinh tế thông qua sự kết hợp chặt chẽ giữa các chiến lược phát triển kinh tế và chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Chỉ có như vậy đất nước mới giải quyết tận gốc tình trạng thiếu hụt nhân lực, đồng thời biến gánh nặng dân số hiện nay

thành lợi thế cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong thời đại công nghệ 4.0 (Nguyễn & Tăng, 2019).

Những năm gần đây, Việt Nam vẫn nỗ lực tìm lời giải cho bài toán thu hút TNCs công nghệ do nền kinh tế chưa đáp ứng được những yêu cầu về chất lượng và trình độ của nguồn nhân lực - một điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của các DN công nghệ cao và dịch vụ. Do đó, cần định hướng nghề nghiệp và đào tạo kiến thức ngành nghề chuyên sâu, phát triển kỹ năng và thái độ cho nhân lực chuẩn bị tham gia thị trường lao động theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, thay đổi cũng cần đến từ việc đẩy mạnh tiếp cận công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng Tiếng Anh, lập trình, hướng đến chuyển sang thu hút FDI bằng nguồn lực chất lượng cao để phù hợp với nền tảng của các hoạt động kinh tế số.

5. Kết luận

Chính sách liên quan đến FDI một trong những chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng hàng đầu của các quốc gia đang phát triển tại Châu Á khi nó là động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong số 7 quốc gia mà các tác giả đã nghiên cứu trong bài viết này, một điểm chung là các chính phủ đều có xu hướng tự do hóa chính sách đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao. Điều này được thể hiện thông qua quá trình hoàn thiện khung pháp lý, đơn giản hóa thủ tục, ưu đãi tài chính, ưu tiên cho lĩnh vực công nghệ cao và xây dựng các SEZs mở cửa. Điều này đã thể hiện quá trình thay đổi theo hướng tích cực các chính sách FDI tại nhóm các nền kinh tế đang phát triển năng động tại Châu Á. Các chính sách áp dụng đều đa dạng, linh hoạt và đồng bộ, cũng như hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Nhìn chung, những chính sách này đều có sự tương đồng với tổng thể khung chính sách đầu tư trên thế giới trong quá trình từ giai đoạn đăng ký, hoạt động và xuất khẩu cho đến thuế thu nhập DN nhằm tạo điều kiện cho DN FDI trong nền kinh tế số, đồng thời lại mang tính đặc thù của từng quốc gia trong khu vực này. Đây cũng là những gợi ý cho Việt Nam khi thay đổi các chính sách liên quan đến FDI, cụ thể là các chính sách khuyến khích đầu tư, đặc biệt là trong bối cảnh vẫn còn nhiều thách thức đang đặt ra như chất lượng của các dự án FDI, chính sách cần phải thích ứng với những lĩnh vực đầu tư mới và thách thức đến từ đại dịch Covid-19 tiếp diễn trên toàn cầu đang hạn chế hoạt động đầu tư quốc tế quan trọng này. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như mặc dù là phân tích tập trung vào sự thay đổi chính sách tại các nền kinh tế tại Châu Á, nhưng do các nước có sự khác biệt khá lớn về môi trường đầu tư, định hướng, chiến lược thu hút FDI có những đặc thù, cho nên trong bài viết, các tác giả chưa tiếp cận được tổng thể tất các yếu tố nổi bật trong môi trường đầu tư của từng quốc gia, từng lĩnh vực cụ thể và theo từng nhóm nước cùng một khu vực địa lý đặc thù hơn như ASEAN hay Đông Bắc Á, hoặc tất cả các nền kinh tế tại Châu Á

và với cách tiếp cận sâu từng nhóm chính sách đầu tư hiệu quả. Đây sẽ là hướng gợi mở cho các tác giả trong những nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo liên quan đến những cách tiếp cận này.

Tài liệu tham khảo

- Banga, R. (2003), “Impact of government policies and investment agreements on FDI inflows”, Working Paper No. 116, Indian Council for Research on International Economic Relations, New Delhi.
- Central Committee of the Communist Party of China. (2016), “The 13th five-year plan for economic and social development of The People’s Republic of China, 2016-2020”, https://en.ndrc.gov.cn/policyrelease_8233/201612/P020191101482242850325.pdf, truy cập ngày 31/08/2020.
- DPIIT. (2020), “Fact sheet on Foreign Direct Investment (FDI) from April, 2000 to March, 2020”, https://dipp.gov.in/sites/default/files/FDI_Factsheet_March20_28May_2020.pdf, truy cập ngày 05/09/2020.
- Dunning, J. (1979), “Toward an eclectic theory of international production: some empirical tests”, *Journal of International Business Studies*, Vol. 11 No. 1, pp. 9 - 31.
- ESCAP. (2019a), “Foreign direct investment and sustainable development in international investment governance”, *Studies in Trade, Investment and Innovation*, Vol. 90, pp. 12 - 17.
- ESCAP. (2019b), “Foreign direct investment trends and outlook in Asia and the Pacific 2019/2020”, *United Nations Publication*, <https://www.unescap.org/resources/foreign-direct-investment-trends-and-outlook-asia-and-pacific-20192020>, truy cập ngày 08/09/2020.
- Globerman, S. & Shapiro, D.M. (1999), “The impact of government policies on foreign direct investment: the Canadian experience”, *Journal of International Business Studies*, Vol. 30 No. 3, pp. 513 - 532.
- Hoang, C.C., Nguyen, V.T. & Tran, T.N.T. (2018), “Determinants of Foreign Direct Investment inflows into ASEAN countries: a GLS estimation technique approach”, *External Economics Review*, Vol. 101, pp. 5 - 16.
- James, S. (2009). “Incentives and investment: evidence and policy implications”, *Investment Climate Advisory Services Paper, World Bank Group*, <http://documents.worldbank.org/curated/en/945061468326374478/pdf/588160WP0Incen10BOX353820B01PUBLIC1.pdf>, truy cập ngày 06/09/2020.
- KPMG. (2019), “The catalogue of industries for encouraged foreign investment (2019 Edition) has been expanded”, <https://assets.kpmg/content/dam/kpmg/cn/pdf/en/2019/08/china-tax-alert-20.pdf>, truy cập ngày 08/09/2020.
- Li, Q. (2006), “Democracy, autocracy, and tax incentives to foreign direct investors: a cross-national analysis”, *The Journal of Politics*, Vol. 68 No. 1, pp. 64 - 72.
- Malvenda, M. (2019), “Trade war incentive schemes in ASEAN”, *ASEAN Briefing*, <https://www.aseanbriefing.com/news/trade-war-incentive-schemes-in-asean/>, truy cập ngày 06/09/2020.

- Muhammad, S.U. (2017), “FDI policies of developing countries in South and Southeast Asia”, *The Ritsumeikan Economic Review*, Vol. 65 No. 4, pp. 499 - 513.
- NDRC & MOF. (2019), ”The catalogue of encouraged industries for foreign investment 2019”, <http://images.mofcom.gov.cn/wzs/201906/20190629212356599.pdf>, truy cập ngày 31/08/2020.
- Nguyễn, Đ. (2020), “Cơ hội vàng đón sóng FDI dịch chuyển”, *Tạp chí Tài chính*, <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/co-hoi-vang-don-song-fdi-dich-chuyen-322809.html>, truy cập ngày 07/09/2020.
- Nguyễn, M. (2020), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài 2019, dự báo 2020 và dài hạn”, *Báo Đầu tư*, <https://baodautu.vn/dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-2019-du-bao-2020-va-dai-han-d113916.html>, truy cập ngày 25/08/2020.
- Nguyễn, T.T. & Nguyễn, H.V. (2019), “Kinh nghiệm quốc tế về phát triển các cụm liên kết công nghiệp và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 114, tr. 10 – 15.
- Nguyễn, T.T. & Tăng, T.T.T. (2019), “Phát triển nguồn nhân lực quốc gia của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 115, tr. 31 - 49.
- Nicoletti, G. & Scarpetta, S. (2003), “Regulation, productivity and growth: OECD evidence” *Economic Policy*, Vol. 18 No. 36, pp. 9 - 72.
- Nicoletti, G., Golub, S. & Hajkova, D. (2003), “The influence of policies on foreign direct investment”, Experts’ Meeting on Foreign Direct Investment in Developing Asia, Asian Development Bank & OECD Development Centre, Paris.
- Parashar, S. (2015), *Factors affecting FDI inflow in China and India*, University of Alberta Research Experience.
- Shuiyu, J. (2018), “FDI into high-tech sector jumps 20% year-on-year”, *China Daily*, <https://www.chinadaily.com.cn/a/201805/17/WS5afd2f49a3103f6866ee9066.html>, truy cập ngày 4/9/2020.
- Sin, C.Y. & Leung, W.F. (2001), “Impacts of FDI liberalization on investment inflows”, *Applied Economics Letters*, Vol. 8 No. 4, pp. 253 - 256.
- Thompson, E. & Poon, J. (2000), “Investment attractiveness of East Asia to North American firms: the threats of partial post-crisis reform”, *The International Trade Journal*, Vol. 14 No. 4, pp. 421 - 439.
- UNCTAD. (2009), *Economic and legal aspects of international investment agreements (IIAs)*, United Nations, New York, NY and Geneva.
- UNCTAD. (2018), *World investment report 2018*, United Nations, New York, NY and Geneva.
- UNCTAD. (2019), *World investment report 2019*, United Nations, New York, NY and Geneva.
- UNCTAD. (2020a), *Impact of the Covid - 19 pandemic on global FDI and Global Value Chains: Updated Analysis*, United Nations, New York, NY and Geneva.
- UNCTAD. (2020b), *Investment policy responses to the Covid-19 pandemic*, United Nations, New York, NY and Geneva.
- UNCTAD. (2020c), *World investment report 2020*, United Nations, New York, NY and Geneva.

- Vũ, Q.H. (2015), “Thu hút đầu tư nước ngoài tại Thái Lan, Malaysia và kinh nghiệm cho Việt Nam”, Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài, <https://dautunuocngoai.gov.vn/TinBai/2847/Thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-Thai-Lan-Malaysia-va-kinh-nghiem-cho-Viet-Nam>, truy cập ngày 01/09/2020.
- Zee, H.H., Stotsky, J.G. & Ley, E. (2002), “Tax incentives for business investment: a primer for policymakers in developing countries”, *World Development*, Vol. 30 No. 9, pp. 1497 - 1516.
- Zhan, J.X. & Karl, J. (2016), “Investment Incentives for Sustainable Development”. In Tavares-Lehmann, A. T., P. Toledano, L. Johnson and L. Sachs (eds.), *Rethinking Investment Incentives*, New York: Columbia University Press, pp. 153 - 177.